KINH NGHIỆM GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á

NGUYỄN VĂN LAN*

Tóm tắt: *Mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc là một trong những vấn đề nổi cộm trong nền chính trị quốc tế. Nhiều khu vực trên thế giới, từ các nước phát triển đến đang phát triển, đã và đang phải đối mặt với các vấn đề nẩy sinh trong quan hệ dân tộc. Tại một số quốc gia Đông Nam Á, mâu thuẫn, xung đột dân tộc diễn ra với các nguyên nhân khác nhau, thậm chí đã trở thành một cuộc chiến kéo dài. Với khu vực, thậm chí có lúc, có nơi đã trở thành một trong những trở ngại mà Đông Nam Á phải vượt qua để ổn định và phát triển[1]. Thực tế cho thấy, giải quyết vấn đề dân tộc đang diễn ra khá phức tạp. Tuy nhiên, trong mấy chục năm qua, với nhiều cách thức khác nhau, phù hợp với đặc thù quan hệ dân tộc ở mỗi nước, ở một số quốc gia Đông Nam Á, vấn đề dân tộc đã từng bước được giải quyết thành công ở mức độ nhất định, xã hội ổn định, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao. Việt Nam đã và đang chủ động, tích cực hội nhập khu vực và thế giới. Nghiên cứu vấn đề dân tộc ở một số nước trong khu vực, tìm hiểu những bài học kinh nghiệm của các nước, với mục đích góp thêm tiếng nói về giải quyết vấn đề quan hệ dân tộc ở Việt Nam có ý nghĩa rất lớn.*

Từ khóa: *dân tộc, quan hệ dân tộc, Đông Nam Á, Việt Nam.*

1. Tình hình xung đột, ly khai dân tộc ở một số nước Đông Nam Á

Phần lớn Đông Nam Á là các quốc gia đa dân tộc. Vấn đề dân tộc, tôn giáo, ở mức độ khác nhau, đã trở thành nguyên nhân chung dẫn đến xung đột, chia rẽ các dân tộc. Ở các quốc gia Indonesia, Philippines, Thái Lan, Malaysia và một phần ở Myanmar, mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc biểu hiện với nhiều yêu sách, đòi hỏi khác nhau như đòi các quyền khác nhau của các dân tộc, tôn giáo, thậm chí là quyền tự trị, độc lập hoàn toàn hoặc bất hòa. Các dân tộc, tộc người tại đây sinh sống với một số lượng người và trình độ phát triển kinh tế xã hội rất khác nhau. Thậm chí các dân tộc trong một quốc gia có khu vực địa lý, lịch sử, văn hóa hết sức riêng biệt, mỗi dân tộc đều được khu biệt

* PGS. TS Nguyễn Văn Lan, Học viện Chính trị khu vực III

với những đặc điểm dân tộc, ngôn ngữ, tôn giáo, tín ngưỡng riêng. Ở Indonesia, người bản địa Tây Papua có đặc điểm dân tộc, ngôn ngữ, tôn giáo, tín ngưỡng khác với người Java. Ở Philippines, các tộc người Moro khác hẳn với các dân tộc còn lại về tôn giáo, tín ngưỡng. Còn người Melayu ở Nam Thái Lan không chỉ khác biệt với người Thái về tôn giáo, tín ngưỡng mà còn khác biệt về cả mặt dân tộc, v.v...

Các quốc gia đa dân tộc ở Đông Nam Á vốn khá phức tạp, giữa các dân tộc, tộc người thường nảy sinh mâu thuẫn. Có những mâu thuẫn phát triển thành xung đột, ly khai dân tộc. Ban đầu xung đột chỉ mang tính chất kinh tế, tôn giáo, ngôn ngữ, về sau mang màu sắc chính trị, xã hội và được phát triển thành mục tiêu ly khai dân tộc. Mâu thuẫn giữa các dân tộc, tộc người được thể hiện khi một dân tộc, thường là dân tộc thiểu số muốn khẳng định dân tộc của mình được quyền phát triển chính trị, kinh tế, văn hóa riêng, đạt được quyền bình đẳng về ngôn ngữ, tự do tín ngưỡng. Cũng có thể mâu thuẫn dân tộc bộc lộ qua cuộc đấu tranh của một dân tộc thiểu số chống lại ý đồ của cộng đồng dân tộc khác muốn chèn ép, lấn át những giá trị tinh thần và vật chất. Các mâu thuẫn xung đột đó có thể ở phạm vi cục bộ hay cá biệt. Nhưng đa số xung đột dân tộc hiện nay ở một số nước Đông Nam Á đều có sự chi phối của chính quyền trung ương hay của bộ máy nhà nước. Trong khi bộ máy nhà nước thường nằm trong tay một dân tộc đa số, buộc các dân tộc thiểu số phải phụ thuộc trong cộng đồng quốc gia. Đơn cử, bộ máy nhà nước Indonesia, về cơ bản là nhà nước của người Java. Nhà nước Philippines là nhà nước của số đông người Thiên Chúa giáo. Tương tự, nhà nước Thái Lan, về cơ bản là nhà nước của người Thái. Tuy nhiên, một số dân tộc thiểu số vẫn được cơ cấu giữ một số cương vị nhất định trong bộ máy nhà nước trung ương, song, trên thực tế, điều này cũng không làm thay đổi địa vị của họ.

Ở một số nước Đông Nam Á, xung đột giữa các dân tộc, tộc người đã dẫn tới những đối kháng xã hội, đỉnh cao là đấu tranh chính trị, vũ trang đòi ly khai dân tộc. Trong một số trường hợp, Nhà nước dân tộc chiếm đa số đã sử dụng quyền lực để chống lại, đưa tới mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc trở thành nội chiến, làm ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, kinh tế không chỉ của một quốc gia mà còn ảnh hưởng đến quan hệ giữa các quốc gia, thậm chí dẫn tới quốc tế hóa vấn đề ly khai dân tộc. Ở mức độ khác nhau, điều này đã diễn ra ở Tây Papua, Aceh Indonesia, Mindanao, của Philippines v.v... Các vụ việc xảy ra không còn là vấn đề nội bộ của nhà nước Philippines với dân tộc Moro. Nó có liên quan đến quan hệ giữa một nhà nước đứng về phía số đông người dân theo Thiên Chúa giáo với các nước láng giềng đứng về phía số đông người dân theo Islam giáo. Và đằng sau mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc của người Moro Islam giáo là cả một thế giới Islam giáo 1,6 tỉ người. Trong đó, cuộc xung đột bạo lực ở miền Nam Thái Lan là một ví dụ, những người anh em ở Indonesia và những người cùng dòng máu Melayu ở Malaysia cùng theo một tôn giáo đã không bỏ rơi đồng bào của mình ở Thái.

Theo nhiều nhà nghiên cứu, một nguyên nhân khác, đó là vấn đề mâu thuẫn, xung đột dân tộc đã tích tụ từ trước và bị trầm trọng hơn do chính sách thực dân phương Tây để lại. Khi xâm chiếm các

nước Đông Nam Á, chủ nghĩa thực dân có xu hướng thành lập các siêu quốc gia, phân định biên giới hành chính. Đồng thời thực hiện chính sách "chia để trị". Thực dân Anh xâm chiếm Nam Á đã sáp nhập Ấn Độ hiện nay và nhiều nước xung quanh, trong đó có Myanmar vào một đơn vị hành chính. Thực dân Pháp chiếm Campuchia, Lào, Việt Nam, sáp nhập cả ba nước vào một đơn vị hành chính là Đông Dương. Tương tự, ở Indonesia, Philippines. Xâm chiếm Indonesia, thực dân Hà Lan đã sáp nhập không dưới một chục tiểu quốc vào một thực thể quốc gia rộng lớn bao gồm hàng trăm dân tộc, tộc người khác nhau. Mặt khác, quá trình xâm chiếm thuộc địa, chủ nghĩa thực dân đã phân chia các vùng lãnh thổ, chia cắt, tách rời các khu vực dân cư có tính lịch sử văn hóa ra khỏi ranh giới địa lý của nó. Điều đó đã từng diễn ra trong thế giới Mã lai. Quá trình thôn tính thuộc địa, cai trị, chủ nghĩa thực dân đều triệt để lợi dụng mâu thuẫn dân tộc, tộc người thi hành chính sách "chia để trị", "nồi da xáo thịt", "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh". Ở Đông Dương, thực dân Pháp chia ra năm vùng với những chính sách phân biệt để dễ bề cai trị. Tình hình ở các nước Đông Nam Á khác cũng tương tự như vậy. Chính sách đó đã làm hằn sâu sự thù địch giữa các dân tộc vốn có.

Sự xuất hiện của các quốc gia đa dân tộc ở Đông Nam Á sau thế Chiến hai là kết quả của sự mong muốn thống nhất chung các dân tộc. Song sự thống nhất này là hướng tới chấm dứt ách đô hộ của thực dân. Riêng vấn đề dân tộc ở các quốc gia này vẫn tiềm ẩn nhiều nhân tố bất ổn vốn có. Vì thế, mâu thuẫn, xung đột đã đưa tới phong trào đấu tranh đòi ly khai diễn ra ngay sau quá trình phi thực dân hóa ở Indonesia, Malaysia và Myanmar...Tuy nhiên, trên thực tế, mâu thuẫn, xung đột dẫn tới đòi ly khai dân tộc thời kỳ chiến tranh lạnh ở khu vực chưa thực sự trở thành vấn đề lớn. Nguyên nhân của tình hình trên, trước hết xuất phát từ đặc điểm thời kỳ chiến tranh lạnh là sự phân tuyến thành hai cực với hai hệ thống, trong đó mỗi bên lôi kéo các quốc gia hoặc đứng về bên này hoặc đứng về bên kia. Điều này đã thu hút mọi sự quan tâm của các lực lượng chính trị, trong đó Đông Nam Á là khu vực thể hiện sự đối đầu căng thẳng giữa hai phe, các nước đều bị cuốn hút vào dòng xoáy của hai phe, với những toan tính cả về chính trị, xã hội, kinh tế và văn hóa. Ngoài ra, ở thời kỳ này, các nước trong khu vực đều đặt ưu tiên hàng đầu cho sự ổn định chung. Vì vậy, các mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc trong khu vực chỉ tồn tại ở dạng âm ỉ, chưa bùng phát thành vấn đề lớn. Song chính sự âm ỉ đó trong một thời gian dài sẽ là cội nguồn cho sự bùng phát sau này. Trong đó, có thể thấy nguyên nhân sâu xa dẫn đến mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc ở một số nước Đông Nam Á chính là những mâu thuẫn về kinh tế-xã hội, địa vị, quyền lợi kinh tế, chính trị, xã hội khác nhau giữa các dân tộc hoặc mâu thuẫn giữa giai cấp cầm quyền và một bộ phận nhân dân trong các dân tộc lệ thuộc ở một quốc gia.

Ở Papua, Indonesia, nền kinh tế của người dân trong tỉnh chủ yếu là nền kinh tế nông nghiệp. Cuộc sống của người dân ở đây gắn liền với môi trường tự nhiên, tự cung tự cấp. Tuy nhiên, từ những năm 1970, cuộc sống của họ bị đảo lộn với những chương trình kinh tế đầy tham vọng của Chính phủ. Chính phủ Indonesia đã xúc tiến một chương trình di dân ồ ạt

từ Java và các đảo đông dân tới tỉnh Papua. Một phần tư triệu người đã đổ về những vùng đất mầu mỡ nhất của Papua. Khoảng 10.000 km^2 đất rừng, đất canh tác tốt nhất bị Chính phủ thu hồi để lập ra những khu kinh tế mới, những khu định cư mới. Từ đây, do chính sách đền bù chưa thỏa đáng, sự nhũng nhiễu, tham nhũng của bộ máy quan chức và do không đảm bảo cuộc sống tái định cư cho những người dân bản địa, sự lấn át và chèn ép của cộng đồng dân cư theo đạo Hồi được nhà nước bảo trợ đã gây ra sự bất mãn cho người dân bản địa. Họ cảm thấy bị mất mát và thua thiệt quá nhiều. Quyền sở hữu đất đai, tài nguyên của người bản địa bị mất. Hơn nữa, về kinh tế ở tỉnh Papua, quá trình công nghiệp hóa của Chính phủ Indonesia trên thực tế đã không đem lại cuộc sống tốt đẹp cho đa số người dân bản địa. Khoảng cách giàu, nghèo ngày càng gia tăng. Trong đó, đa số người nghèo là dân bản địa, thậm chí một bộ phận bị bần cùng hóa. Trong khi Papua vốn là một tỉnh rất giàu tài nguyên thiên nhiên. Nơi đây có mỏ đồng lớn nhất thế giới, trữ lượng mỏ vàng vào loại trung bình, nguồn dầu mỏ và khí đốt khá lớn. Tất cả nguồn tài nguyên quý giá, tài nguyên rừng phong phú đều bị khai thác ồ ạt, nhưng Papua vẫn là tỉnh nghèo nhất, tỉ lệ người tử vong và mắc bệnh tật cao nhất nước, đa số trẻ em người bản địa suy dinh dưỡng. Đây chính là một trong những căn nguyên tạo nên các mâu thuẫn, xung đột xã hội, ly khai dân tộc và gây ra những bất ổn ở tỉnh Papua. Từ mâu thuẫn, đưa tới việc người dân bản địa đi theo Phong trào Papua tự do, đấu tranh đòi ly khai dân tộc là điều không khó hiểu.

Ở tỉnh Aceh, tình hình kinh tế cũng không mấy khả quan so với tỉnh Papua. Thu nhập của người dân Aceh chủ yếu là từ nông nghiệp, trong khi giá trị sản phẩm nông nghiệp rất thấp. Mặt khác, Aceh là tỉnh có tiềm năng về dầu mỏ, khí đốt, tài nguyên thiên nhiên phong phú, là cửa ngõ phía Tây của Indonesia, nhưng thực tế tỉnh vẫn là vùng nghèo đói. Ngân sách Chính phủ Indonesia đầu tư cho Aceh rất thấp so với các tỉnh thuộc vùng "trung tâm". Với sự phát triển không đồng đều của tư bản ở Indonesia mà Aceh là một trong những khâu yếu. Nhận thức được tất cả những điều bất công đó, giới tinh hoa của Aceh đã phát động phong trào ly khai và nhận được sự ủng hộ rộng rãi của người dân Aceh.

Tại Philippines, sau tuyên bố độc lập 1946, Chính phủ đã bắt đầu thi hành chính sách kinh tế kéo dài hơn một thập niên, có lợi cho những cư dân theo đạo Thiên Chúa. Đó là chính sách di dân, khuyến khích khai hoang tới Mindanao khiến dòng người từ miền Bắc, miền Trung đổ về vùng đất màu mỡ này ngày một đông. Người Moro ở Mindanao theo đạo Islam sống chủ yếu dựa vào nền kinh tế nông nghiệp đã trở thành thiểu số trên chính mảnh đất mà cha ông họ để lại. Những người định cư Thiên Chúa giáo đã chiếm dần ruộng đất tốt và từng bước nắm quyền hành chính trị-xã hội tại đây. Với sự hậu thuẫn của Chính phủ Philippines, người Thiên Chúa giáo nơi đây được cung cấp vũ khí, được phép vũ trang bảo vệ lợi ích, đẩy người Moro ra khỏi mảnh đất của họ. Hơn nữa, người Moro còn phải chịu sự phân biệt đối xử trong việc vay vốn phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước. Đây chính là căn nguyên quan trọng dẫn đến mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc ở Mindanao.

Cùng với nguyên nhân kinh tế là sự

phân biệt đối xử trong hệ thống quản lý hành chính nhà nước. Nhân sự trong bộ máy chính quyền ở các cấp thường dựa trên đa số áp đảo của dân tộc đa số. Ở Indonesia, các đời tổng thống từ sau độc lập đến nay đều là người Java. Tổng thống có quyền hành cao nhất, theo đó, phần lớn các nhân sự cao cấp đều là người Java. Ở những tỉnh có mâu thuẫn, ly khai như Tây Papua và Aceh thì bộ máy chính quyền - quân sự nghiêng hẳn về người Java càng được xiết chặt. Tình hình đó chỉ được thay đổi khi các phong trào ly khai đấu tranh giành được quyền tự trị cho tỉnh.

Philippines cũng giống như Indonesia. Từ những năm 1970, Tổng thống Marcos đã ban hành lệnh thiết quân luật. Trong suốt thời gian cầm quyền, cùng với việc xây dựng lại hệ thống tổ chức hành chính-chính trị, Tổng thống Marcos đã làm tăng uy thế của các tầng lớp lãnh đạo, phân biệt đối xử về mặt chính trị với người Islam giáo ở Mindanao.

Tại Thái Lan, thời kỳ sau năm 1932, với 13 lần đảo chính quân sự, cho thấy sự phức tạp trong lịch sử phát triển chính trị và xây dựng thể chế hành chính của nước này. Trong quá trình đó đều gắn với vấn đề dân tộc "người Thái", với tôn giáo Islam, v.v...

Malaysia là một quốc gia đa dân tộc, sắc tộc, do đó không tránh khỏi vấn đề mâu thuẫn dân tộc, sắc tộc. Trong lịch sử, chính sự ra đời và tồn tại nhiều tổ chức, đảng phái chính trị ở Malaysia, phần nhiều là do ảnh hưởng từ chính sách chia rẽ các dân tộc, sắc tộc của chính quyền thực dân Anh và phát xít Nhật nhằm mục đích "chia để trị", phân biệt cuộc đấu tranh chống thuộc địa và đấu tranh giai cấp tại Malaysia ở thời kỳ 1511-1945. Sau độc lập 1957 đến nay, mâu thuẫn nổi lên là giữa người bản địa với người nhập cư từ hai quốc gia Trung Quốc và Ấn Độ với số lượng đông, trở thành hai cộng đồng lớn ở Malaysia. Về tôn giáo, đó là mâu thuẫn giữa Islam là một tôn giáo lớn và các cộng đồng tôn giáo khác.

Ngoài ra, ở Đông Nam Á, mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc còn có một nguyên nhân khác là vấn đề ngôn ngữ. Ngôn ngữ riêng của một dân tộc không chỉ để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác mà còn là sợi dây gắn kết giữa các thành viên trong một dân tộc. Đây là tài sản chung của một dân tộc. Tuy nhiên, trong thực tế, các quốc gia nói chung đều chọn một ngôn ngữ riêng cho cả nước. Ở Indonesia, ngôn ngữ chính thức là tiếng Bahasa Indonesia, tiếng của người Java. Ở Philippines, ngôn ngữ chính thức là tiếng Tagalog, tiếng của đa số người ở Manila và các khu vực lân cận. Ở Thái Lan, ngôn ngữ chính thức là tiếng Thái, tiếng của dân tộc Thái. Việc thừa nhận ngôn ngữ của một dân tộc nào đó làm ngôn ngữ chính thức của quốc gia, trong con mắt của các dân tộc khác tức là thừa nhận những đặc quyền của một dân tộc. Đây cũng là yếu tố góp phần khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa các dân tộc, tộc người.

Từ quá trình phát sinh mâu thuẫn, xung đột dân tộc tại một số nước Đông Nam Á cho thấy, yếu tố tôn giáo cũng là một nguyên nhân của các mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc. Các phong trào ly khai dân tộc diễn ra ở Indonesia, Myanmar, Philippines và Thái Lan chủ yếu thuộc về những dân tộc theo Islam giáo.

Có thể nhận thấy, các yếu tố cơ bản dẫn tới mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc ở

một số nước Đông Nam Á, là sự phát triển của chính bản thân dân tộc, tộc người trong quá trình phát triển lịch sử của nó. Đó là sự khác biệt về dân tộc, tôn giáo, trình độ phát triển kinh tế, xã hội. Đó còn là sự phân biệt đối xử về kinh tế, chính trị đối với các dân tộc, tộc người, v.v...

2. Bài học kinh nghiệm về giải quyết vấn đề quan hệ dân tộc ở một số nước Đông Nam Á và ý nghĩa đối với Việt Nam

Ở mỗi giai đoạn lịch sử nhất định, để giải quyết mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc, một số quốc gia Đông Nam Á thường theo khuynh hướng loại trừ ra khỏi xã hội những gì trái với quy phạm pháp luật về chủ quyền và sự thống nhất quốc gia. Ở Indonesia, một đất nước có nhiều hiện tượng ly khai dân tộc, các nhà cầm quyền đã dập tắt phong trào nổi dậy đòi thành lập nhà nước Cộng hòa Nam Molucca (năm 1950), nhà nước Hồi giáo Aceh và Tây Java (năm 1953)[2]. Mặc dù thành công trong việc thống nhất đất nước nhưng nó để lại nhiều hậu quả hệ lụy lâu dài. Từ sau ngày giành được độc lập, trải qua các đời tổng thống, Indonesia vẫn phải đương đầu với nhiều cuộc xung đột do mâu thuẫn, xung đột, đòi ly khai dân tộc. Thực tiễn cho thấy, chính sách chống ly khai dân tộc bằng việc sử dụng lực lượng quân đội, cảnh sát sẽ không giải quyết được triệt để tận gốc của vấn đề. Có thể thấy, sau chiến tranh lạnh, các mâu thuẫn, xung đột mà đỉnh cao là đưa tới phong trào ly khai và phong trào này đã đạt những mục tiêu nhất định. Ở trong nước diễn ra những hành động cứng rắn của các lực lượng vũ trang Indonesia và việc chính quyền trung ương tăng cường khai thác tài nguyên thiên nhiên của hai tỉnh, trong khi người dân bản địa không được hưởng lợi. Mặt khác, dư luận quốc tế không đồng tình, lên án chính sách sử dụng vũ lực đối với phong trào ly khai dân tộc. Bên cạnh đó, với bầu không khí dân chủ được cởi mở, các đảng phái chính trị, các tổ chức và ngay cả các thành viên trong Chính phủ Indonesia cũng phản đối chính sách sử dụng vũ lực quá mức. Phong trào ly khai dân tộc cũng phát triển ngày một lớn mạnh, được sự ủng hộ từ bên ngoài. Phong trào ly khai dân tộc ở Papua, Aceh được hình thành một mặt trận, tập hợp rộng rãi các tầng lớp của các dân tộc tham gia, có một bộ tham mưu, có tổ chức lãnh đạo với cương lĩnh, mục tiêu chiến lược, chiến thuật đấu tranh cụ thể. Phong trào đã trở thành một lực lượng chính trị đáng kể. Vì thế Chính phủ đã phải công nhận về quyền tự trị rộng rãi, bao gồm quyền lập pháp, hành pháp, quyền về kinh tế, văn hóa, giáo dục, quyền được treo cờ riêng của dân tộc. Mâu thuẫn, xung đột dẫn đến phong trào ly khai dân tộc của người Moro ở Philippines cũng diễn ra giống như Indonesia. Đây là phong trào có tổ chức lãnh đạo, có cương lĩnh, mục tiêu. Tuy nhiên, vấn đề xung đột, ly khai dân tộc ở Philippines không chỉ là vấn đề nội bộ của Philippines, bởi đằng sau người Moro là vai trò to lớn của Tổ chức Hội nghị các nước Islam giáo và thế giới Islam giáo. Chính sách sử dụng vũ lực quá mức của chính quyền qua các thời kỳ không những không giải quyết được mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc mà còn gây ra sự bất bình trong nước và trong cả thế giới Hồi giáo. Mặc dù Tổng thống Marcos đã ký Hiệp định Tripoli cam kết thành lập khu tự trị bao gồm 13 tỉnh cho người Moro từ năm 1976, song vẫn chưa được thực hiện. Vì thế, mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc ở

Philippines vẫn còn dai dẳng.

Tại Thái Lan, xung đột ly khai dân tộc không diễn ra gay gắt như ở Indonesia, Philippines. Mặc dù mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc ở Thái Lan vẫn nằm trong tầm kiểm soát của chính quyền, song chính sách dân tộc, tôn giáo của chính quyền Thái qua các thời kỳ đều tỏ ra không hòa nhập được người Mã lai theo đạo Hồi vào dòng chủ lưu dân tộc Thái theo đạo Phật.

Malaysia - quốc gia thực hiện chế độ Quân chủ lập hiến sau độc lập 1957 đã thành công trong giải quyết vấn đề quan hệ dân tộc, tôn giáo. Đó là coi trọng Islam giáo trong đời sống chính trị, xã hội nhưng vẫn giữ được sự hài hòa với các tôn giáo khác. Trên thực tế, đại bộ phận các chế độ cầm quyền ở các nước Islam giáo thường cố gắng củng cố chính sách đối nội, đối ngoại của mình bằng các tín điều tôn giáo. Các nhà hoạt động tôn giáo đã hợp tác với nhà nước để đưa ra những khẩu hiệu chính trị dựa trên luận cứ tín điều Islam. Tuy nhiên, đối với Liên bang Malaysia, ngay từ buổi đầu tuyên bố độc lập đến nay, chính phủ Malaysia đã không thực hiện chính sách Islam thuần túy trong các vấn đề chính trị-xã hội. Chính phủ Malaysia nhận thức sâu sắc rằng, họ đang lãnh đạo một đất nước nhiều tôn giáo, trong đó Islam là một tôn giáo lớn, gắn liền với cộng đồng người bản địa. Chính phủ đã chủ trương xây dựng hệ tư tưởng quốc gia trên cơ sở pháp lý và đạo lý, phát triển và quản lý Islam theo hướng tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực từ các phong trào Islam trên thế giới. Chủ trương ưu tiên cho cộng đồng theo Islam, song vẫn phải đối xử, coi trọng, quan tâm tới các cộng đồng theo tôn giáo khác. Vì thế, trong khi Islam đang là vấn đề nổi cộm, phức tạp của khu vực, thì đối với Malaysia, Islam đã được giải quyết khá thỏa đáng trên cả phương diện pháp lý và đạo lý.

Đối với mâu thuẫn tộc người, giữa người bản địa với người nhập cư từ Trung Quốc và Ấn độ (với số lượng đông, trở thành hai cộng đồng lớn ở Malaysia), sau độc lập 1957 đến 1969, chính sách của Chính phủ Malaysia là mang "tính thích nghi dân tộc", ít có sự ép buộc hay cưỡng bức từ phía nhà nước. Trong khi ưu tiên cho cộng đồng người bản địa Melayu nhằm khắc phục lạc hậu, bất bình đẳng trong lợi ích kinh tế-xã hội, thì với cộng đồng người Hoa, người Ấn Độ và các cộng đồng người khác, Chính phủ cũng tạo cơ hội cho họ quyền cơ bản, hợp pháp của công dân thông qua Hiến pháp Liên bang, đáp ứng được nguyện vọng cơ bản nhất của các cộng đồng này. Có thể thấy, chính sách trên vừa đảm bảo được quyền cơ bản của người Melayu, vừa ổn định được nền chính trị-xã hội, tránh nguy cơ bị các thế lực quốc tế lợi dụng can thiệp, nhất là trong bối cảnh phức tạp sau độc lập. Ở giai đoạn 1969 - 1990, với chính sách dân tộc theo hướng tích cực, dân chủ hơn, Chính phủ Malaysia đã hướng tới sự bình đẳng trong địa vị kinh tế của các tộc người, các cộng đồng người, nhằm đạt tới mục tiêu đoàn kết, thống nhất trên tinh thần đại đoàn kết dân tộc. Nếu thập niên 70 của thế kỷ XX, Chính sách kinh tế mới (NEP) của Chính phủ nhằm giúp đỡ người Melayu tăng cường thực lực kinh tế, nhanh chóng làm chủ các ngành kinh tế quan trọng của nền kinh tế đất nước, thì thập niên 80, với "Chính sách công nghiệp" (sửa đổi) và "Luật thúc đẩy đầu tư", Chính phủ đã tạo cho các doanh nghiệp người Hoa và Ấn Độ tham gia vào sản xuất công nghiệp,

phát huy được thế mạnh của hai cộng đồng người này trong phát triển kinh tế chung của đất nước. Thủ tướng M. Mahathir đã kêu gọi các thế hệ công dân mới ở Malaysia phải biết đặt quyền lợi của cộng đồng dân tộc hay tôn giáo của mình bên trong, dưới quyền lợi của đất nước, hướng tới một "Bangsa Malaysia" (quốc gia-dân tộc). Ông khẳng định: "Chúng ta không bao giờ quên rằng, sự thống nhất quốc gia là tài sản lớn nhất của chúng ta. Sự thống nhất trong một quốc gia đa dân tộc và đa tôn giáo chỉ có thể duy trì trên sự hiểu biết sâu sắc, lòng khoan dung và sự kính trọng lẫn nhau giữa một tập thể đa dạng"(3). Chủ trương xây dựng một "Bangsa Malaysia" thống nhất, trong đó mọi người dân đều là người Malaysia, không phân biệt người Melayu, người Hoa, người Ấn Độ hay người ở sắc tộc khác đã thực sự được cả xã hội Malaysia hưởng ứng. Mọi người dân đều có cơ hội tự đồng nhất mình với đất nước Malaysia, nói tiếng Melayu và chấp nhận Hiến pháp Malaysia.

Có thể thấy, mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc ở một số nước Đông Nam Á có nhiều nguyên nhân. Do đặc thù dân tộc, tôn giáo ở mỗi quốc gia không hoàn toàn giống nhau, nên có những nguyên nhân khác nhau. Song nhìn chung, mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc ở Đông Nam Á có xu hướng bị chính trị hóa, quốc tế hóa và ít nhiều có tính bạo lực. Hiện tại, mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc ở một số nước Đông Nam Á đang đứng trước nhiều khả năng được hòa giải, quan hệ dân tộc hài hòa như ở Malaysia; Papua, Aceh Indonesia. Tuy nhiên cũng không loại trừ còn tiềm ẩn nguy cơ mở rộng, phức tạp như ở Mindanao, Philippines và Nam Thái Lan.

Cần khẳng định, vấn đề quan hệ dân tộc không thể giải quyết trong một sớm một chiều. Vì vấn đề dân tộc, tôn giáo trong quan hệ dân tộc là một hiện tượng lịch sử. Nó luôn song tồn cùng với sự vận động, phát triển của đất nước. Giải quyết một cách hòa bình vấn đề dân tộc, tôn giáo trên tinh thần hòa hợp dân tộc là con đường phù hợp với xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển của thế giới ngày nay.

Ý nghĩa từ những bài học thành công và chưa thành công trong thực tiễn xử lý vấn đề quan hệ dân tộc ở một số nước Đông Nam Á, sẽ góp phần gợi mở trong xử lý vấn đề quan hệ dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam. Các bài học đó chỉ ra rằng, cần phải xóa bỏ tình trạng một số dân tộc, tộc người bị gạt ra ngoài lề cuộc sống xã hội của đất nước; cần xóa bỏ sự phụ thuộc về chính trị, sự bất bình đẳng về kinh tế, kỳ thị dân tộc; tôn trọng phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của các dân tộc trong khuôn khổ luật pháp quốc gia. Điều đó có nghĩa là trong mối quan hệ giữa nhà nước và dân tộc phải có một sự đồng thuận. Trong đó, có sự thừa nhận và bảo vệ quyền của các dân tộc sống trên lãnh thổ quốc gia. Không phân biệt dân tộc ít người hay dân tộc đa số, trong đó có quyền được sinh tồn như một cộng đồng có bản sắc riêng.

Giải quyết mối quan hệ giữa các dân tộc hài hòa, bình đẳng, còn phải chống lại tư tưởng dân tộc hẹp hòi, kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Làm cho từng dân tộc, tộc người và các dân tộc trong một quốc gia cùng phát triển, cùng phát huy những truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của mỗi dân tộc; tôn trọng quyền tự quyết dân tộc trong khuôn khổ pháp luật quốc gia quy định. Hướng tới xây dựng một vườn hoa quốc gia đa sắc nhưng

hài hòa, đoàn kết thống nhất. Xây dựng mối quan hệ giữa nhà nước và các tổ chức tôn giáo trên cơ sở tự do tín ngưỡng trong khuôn khổ pháp luật, duy trì và phát triển xu hướng tôn giáo đồng hành với quốc gia dân tộc. Có chính sách ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo ở các vùng dân tộc; bảo vệ và khẳng định quyền ngôn ngữ dân tộc trong xã hội cũng như trong hệ thống giáo dục đào tạo quốc dân. Có kế hoạch phát triển những giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc trong một quốc gia; phải tôn trọng và bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa của từng dân tộc cũng như việc tiếp thu những tinh hoa văn hóa của các dân tộc để xây dựng một nền văn hóa chung của quốc gia - dân tộc.

Về kinh tế, đảm bảo quyền được hưởng lợi của các dân tộc, có kế hoạch phát triển kinh tế cân đối, hài hòa, hợp lý giữa các vùng miền của đất nước theo hướng phát triển kinh tế bền vững, nâng cao dân trí, tổ chức đời sống tiến bộ; phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng, của mỗi dân tộc.

Từng bước loại bỏ mầm mống của các mâu thuẫn, xung đột, ly khai dân tộc, đảm bảo ổn định chính trị, xã hội hướng tới đại đoàn kết trong các quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo ở mỗi quốc gia cũng như trong toàn khu vực là hết sức quan trọng trong việc biến Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định và phát triển./.

CHÚ THÍCH

1. Lim Chông Yach (2002), *Đông Nam Á chặng đường dài phía trước*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.38.

.2. Clive J.Chistie (2000), *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Cao Xuân Phổ (1997), "Malaysia một dân tộc thống nhất, một căn cước mới", Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, (4), tr. 38.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Văn Huy (2009), "Một số vấn đề về xung đột sắc tộc, tôn giáo ở Đông Nam Á", Nghiên cứu Đông Nam Á, số 7.
2. Nguyễn Thanh Hải (2006), "Bối cảnh ra đời và xu hướng phát triển của các đảng chính trị Hồi giáo Đông Nam Á (trường hợp Inđônêxia và Malaixia)", Nghiên cứu Đông Nam Á, số 6.
3. Võ Thu Nguyệt (2005), *Sự tiến triển trong chính sách dân tộc của Malaixia (từ 1957 đến 2000)*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học khoa học xã hội và nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Lý Tường Vân (2008), "Một vài kinh nghiệm của Malaixia trong giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo", Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 1.
5. Phạm Thị Vinh (2008), *Islam ở Malaxia*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Clive J. Chistie (2000), *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. D.G.E. Hall (1977), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Phan Ngọc Liên (chủ biên) (1999), *Lược sử Đông Nam Á*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Nguyễn Duy Thiệu (chủ biên) (1997), *Các dân tộc ở Đông Nam Á*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
10. Maridôn Tuarenơ (1996), *Sự đảo lộn của thế giới địa chính trị thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Lim Chông Yach (2002), *Đông Nam Á chặng đường dài phía trước*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
12. Cao Xuân Phổ (1997), "Malaysia một dân tộc thống nhất, một căn cước mới", Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4.